

CON ĐƯỜNG ĐI TỚI BÀN ĐÀM PHÁN VÀ KÝ KẾT HIỆP ĐỊNH PARIS CỦA VIỆT NAM VÀ HOA KỲ

1. Những hoạt động quân sự và động thái ngoại giao của Việt Nam và Hoa Kỳ trong những năm 1965-1967

Mỹ là nước có tiềm lực kinh tế và quân sự mạnh nhất thế giới; có chiến lược toàn cầu, mà trọng tâm của chiến lược đó trong những năm 1954-1975 là Việt Nam. Chiến tranh Việt Nam mang tính chất thời đại và có tầm vóc quốc tế.

Chiến tranh Việt Nam có ảnh hưởng lớn đến chiến lược toàn cầu của Mỹ, đến lợi ích của nước Mỹ trên thế giới, tác động đến nội tình nước Mỹ. Đó cũng là vấn đề được dư luận quốc tế quan tâm, hình thành nên một phong trào nhân dân thế giới phản đối chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam, rút quân khỏi miền Nam Việt Nam, đồng thời biểu thị tình đoàn kết với nhân dân Việt Nam.

Trong chiến tranh, hoạt động quân sự luôn giữ vị trí quyết định. Chiến tranh càng phát triển thì lực lượng quân sự và hoạt động quân sự càng trở nên quan trọng. Với lực lượng quân sự có hạn, vấn đề đặt ra đối với Việt Nam trong cuộc chiến tranh này không phải là tiêu diệt hết lực lượng quân sự của Mỹ trên chiến trường, mà là làm lung lay ý chí của họ để buộc họ phải rút quân.

Từ năm 1965, lực lượng quân sự Mỹ trên chiến trường Việt Nam ngày càng tăng, lên tới nửa triệu quân vào cuối năm 1967 để tiến hành chiến lược “chiến tranh cục bộ” ở miền Nam, liên tiếp mở hai cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965-1966 và 1966-1967 nhằm “bẻ gãy xương sống Việt cộng”, đồng thời dùng lực lượng không quân và hải quân tiến hành chiến tranh phá hoại ra miền Bắc với quy mô ngày càng lớn, cường độ ngày càng ác liệt, nhằm tiêu hủy tiềm lực kinh tế, quốc phòng miền Bắc, ngăn chặn sự chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ Bắc vào Nam, làm lung lay quyết tâm chiến đấu của nhân dân Việt Nam.

Cùng với việc tăng cường đưa lực lượng quân sự vào miền Nam, ngày 8-4-1965, trong tuyên bố tại Baltimore (Ban-ti-mo) Tổng thống Johnson (Giôn xơn) đưa ra đề nghị “đàm phán không điều kiện” nhằm che đậy hành động leo thang chiến tranh của Hoa Kỳ và đánh lạc hướng dư luận quốc tế. Họ đang nuôi hy vọng giành thắng lợi bằng quân sự.

Về phía Việt Nam, các nhà lãnh đạo hoàn toàn biết rằng một khi Mỹ đang ra sức đưa quân đội và vũ khí đến Việt Nam và hăm dọa giành thắng lợi bằng quân sự, thì chưa thể có hòa bình. Việt Nam quyết tâm chiến đấu với khẩu hiệu “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, nỗ lực chống lại các cuộc phản công chiến lược của Mỹ ở miền Nam và triển khai mạnh mẽ cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại ở miền Bắc; tố cáo hành động chiến tranh của Mỹ trước dư luận quốc tế.

và chưa đề cập tới vấn đề đàm phán. Lập trường cứng rắn đó thể hiện trong Tuyên bố 4 điểm ngày 8-4-1965 của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa:

- Mỹ chấm dứt ném bom miền Bắc Việt Nam.
- Mỹ rút hết quân ra khỏi miền Nam Việt Nam.
- Mỹ thừa nhận: Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam là một thực thể chính trị để thương lượng.
- Hai miền Nam, Bắc Việt Nam không có liên minh quân sự với nước ngoài. Công việc nội bộ của Việt Nam do nhân dân Việt Nam tự giải quyết¹.

Nội dung tuyên bố trên đây là những vấn đề nguyên tắc của Việt Nam trong cuộc đàm phán tại Hội nghị Pari sau này.

Từ năm 1965, các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam từng bước bẻ gãy các cuộc phản công chiến lược quy mô lớn, làm thất bại các cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định” (1965-1967), đồng thời chủ động mở các cuộc tiến công trực diện vào quân Mỹ, quân đội Sài Gòn trên khắp các chiến trường. Vùng giải phóng miền Nam từng bước được củng cố và mở rộng.

Lần đầu tiên Mỹ và chính quyền Sài Gòn bị tiêu hao binh lực lớn và chịu thất bại trong chiến lược phản công, giành thế chủ động trên chiến trường. Tháng 5-1966, Cabot Lodge (Cabot Lốt), người thay cho tướng Taylor (Tay-lo) làm đại sứ Mỹ tại Sài Gòn từ ngày 8-7-1965, báo cáo về Mỹ rằng: “Mỹ không tiêu diệt được một đơn vị chính quy nào của Việt cộng, không ngăn chặn được du kích phát triển, lực lượng Mỹ không khắc phục được tình hình ngày càng xấu đi, quân đội Sài Gòn giảm chất lượng nhanh chóng và vẫn bị động”².

Qua hai năm 1965-1966, sau khi đã tạo được thế và lực trên chiến trường, ngày 28-1-1967, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố “*có thể nói chuyện*” với Hoa kỳ sau khi Hoa Kỳ chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Với tuyên bố này, Việt Nam có sự điều chỉnh cần thiết, tạm thời không giữ nguyên lập trường cứng rắn như trong tuyên bố ngày 8-4-1965, nhằm đánh vào luận điệu “đàm phán không điều kiện của Mỹ”, tác động vào nội tình nước Mỹ và tranh thủ dư luận thế giới.

Tình hình thực tế trên chiến trường và động thái ngoại giao của Việt Nam làm cho nội bộ giới cầm quyền và giới chính trị Mỹ có sự phân hóa rõ rệt. Trong khi phái “chủ chiến” yêu cầu tăng quân và mở rộng đánh phá miền Bắc Việt Nam, thì phái ôn hòa lại muốn tìm một giải pháp hòa bình.

Là một trong những người ủng hộ chủ trương đưa lực lượng quân sự vào miền Nam và đánh phá miền Bắc Việt Nam, Bộ trưởng Quốc phòng Mc Namara (Mắc Na-ma-ra) chán nản với kết quả hoạt động quân sự tàn bạo của Mỹ, bi quan trước

những tổn thất về sinh lực và phương tiện chiến tranh và lo ngại khả năng có thể mở rộng chiến tranh với các đồng minh của Việt Nam.

Đầu năm 1967, Mc Namara có sự thay đổi thái độ, kiến nghị với Tổng thống Johnson về việc ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam phía trên vĩ tuyến 20. Tháng 8-1967, tại Ban Quân lực Thượng nghị viện, ông ta nói: “Tính chất khốc liệt và kéo dài của cuộc chiến tranh ở Nam Việt Nam tạo ra mong muốn phải thay đổi nó bằng một kiểu oanh kích mới chống Bắc Việt Nam. Nhưng dù mong muốn thế nào, *một sự thay đổi như vậy đối với tôi là hoàn toàn ảo tưởng. Theo đuổi mục tiêu này không chỉ là điều vô vọng mà còn mạo hiểm sinh mạng Mỹ và dân tộc chúng ta, đó là điều tôi không thể không kiến nghị*”³.

Tháng 11-1967, Mc Namara lại kiến nghị với Tổng thống hãy “ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam. Tuyên bố không tiếp tục gửi quân sang miền Nam Việt Nam và xem xét những cuộc hành quân quân sự của Mỹ nhằm giảm bớt thương vong, giảm bớt sự tàn phá đất nước Việt Nam và chuyển vai trò ngày càng lớn lao cho lực lượng quân sự miền Nam Việt Nam”⁴.

Trái ngược với quan điểm của phái ôn hòa, tại cuộc họp kín với Ủy ban quân lực của Quốc hội Mỹ (16-11-1967), tướng Westmoreland (Oét-mo-len) cho rằng Mỹ có thể quét sạch đối phương ra khỏi miền Nam Việt Nam trong hai năm nữa. Ông ta đòi Tổng thống Johnson tăng thêm quân tới Nam Việt Nam để giành chiến thắng về quân sự.

Việc tranh cãi trong nội bộ chính quyền Mỹ kéo dài, nhưng tình hình thực tế buộc Tổng thống Johnson phải tính đến việc xuống thang chiến tranh: không tăng thêm nhiều quân theo đúng yêu cầu của Westmoreland, không đưa lực lượng đánh ra miền Bắc, mặt khác chấp thuận việc để Mc Namara nhờ một số người làm trung gian tiếp xúc với Hà Nội đề nghị chấm dứt ném bom để đàm phán⁵. Trong tư duy của Johnson có bước lùi đáng kể.

Trong khi đó, dư luận thế giới đều tập trung ủng hộ lập trường của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đòi Mỹ phải chấm dứt ném bom miền Bắc. Nhiều đồng minh của Mỹ như Pháp, Hà Lan, Bỉ, Na-uy..., nhiều nhân vật quốc tế quan trọng như Tổng thư ký Liên hiệp quốc, giáo hoàng,... đều không đồng tình với lập trường của Mỹ. Chính Johnson cũng thấy rằng: “*Tất cả những người nào trên thế giới được Hoa Kỳ vận động hoặc tự chủ động làm, dù là người Ba Lan, người Ý, người Thụy Điển, người Ấn Độ, ông Tổng thư ký Liên hiệp quốc hay các nhà báo nào đó đều có tư tưởng cho rằng điều mà Việt Nam đề nghị là duy nhất đúng chứ không phải điều Hoa Kỳ đề nghị là đúng*”⁶.

Mặc dù tình hình chiến trường, quốc tế và nước Mỹ đều không có lợi cho Mỹ trong việc theo đuổi cuộc chiến tranh Việt Nam, nhưng phải “điều hâu” vẫn quyết

giành thắng lợi bằng quân sự. Con đường đàm phán hòa bình đã xuất hiện chập chờn trong một số người có đầu óc thực tế, nhưng vẫn còn xa vời. Tổng thống Johnson chưa có quyết định thật dứt khoát. Ông ta vẫn bị những người chủ chiến chi phối, nên không chấp thuận toàn bộ những đề nghị thực tế của Mc Namara .

Ngày 28-12-1967, trong bài trả lời phỏng vấn của nhà báo W. Burchet (Bóc-sét), Bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Duy Trinh lại tuyên bố: “Sau khi Mỹ chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống lại nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẽ nói chuyện với Mỹ về những vấn đề có liên quan”. Từ chỗ “*có thể nói chuyện*” (28-1-1967) đến “*sẽ nói chuyện*” là một bước tiến mới của ngoại giao Việt Nam. Đối với Việt Nam, việc đàm phán với Mỹ không chỉ còn là một khả năng nữa, mà đã được khẳng định, nhằm đẩy Mỹ tiếp tục đi vào thế xuống thang không thể từ chối, đồng thời phối hợp với dư luận thế giới đang đòi Mỹ chấm dứt ném bom vào đi vào đàm phán, nhưng điều quan trọng hơn là che dấu ý đồ tiến công lớn vào dịp Tết Mậu Thân 1968.

2. Tết Mậu Thân 1968 ở miền Nam và tác động đối với nước Mỹ

Từ giữa năm 1967 đến đầu năm 1968, các nhà lãnh đạo Việt Nam cho rằng cần phải tạo một bước nhảy vọt về quân sự bằng chọn hướng chiến lược hiểm và dùng cách đánh mới, giáng một đòn bất ngờ thật mạnh vào ý chí xâm lược của Mỹ. Theo phương hướng đó, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1968 được chuẩn bị tích cực.

Đúng dịp Tết Mậu Thân, quân và dân miền Nam đồng loạt tiến công, nhằm hướng chủ yếu là các thành phố, thị xã, thị trấn; đánh vào hầu hết các cơ quan đầu não của Mỹ và chính quyền quyền Sài Gòn ở cả trung ương và địa phương, trong đó có những trận gây chấn động lớn như đánh tòa Đại sứ Mỹ, Dinh Độc lập, Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn..., và đặc biệt là chiếm giữ thành phố Huế trong 25 ngày đêm.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, mặc dù không đạt được kết quả tối đa, nhưng đã làm choáng váng cả nước Mỹ và chấn động dư luận thế giới, vì chiến tranh trên qui mô lớn đã được đưa vào tận sào huyệt của đối phương. Các nhà quân sự Mỹ hoàn toàn bất ngờ. Họ đang tưởng rằng sau ba năm “tìm diệt” đã “bẻ gãy xương sống Việt cộng”, nên không có sự phòng bị, không sẵn sàng chiến đấu trong các thành phố. Mỹ và chính quyền Sài Gòn không thể lường trước được cuộc tiến công lớn của “Việt cộng”, vì đây là hoạt động quân sự táo bạo chưa từng có trong lịch sử chiến tranh thế giới.

Cái mất của Mỹ trong Tết Mậu Thân không phải chỉ ở sự tổn thất sinh lực và phương tiện chiến tranh, mà quan trọng hơn là sự thất bại về chiến lược. Theo

Kissinger (Kít-xinh-gơ), sự kiện Tết Mậu Thân đã “làm cho toàn bộ chiến lược đang lên của Hoa Kỳ bị lật nhào”.

Tin chiến sự về Tết Mậu Thân ở miền Nam Việt Nam trở thành vấn đề nóng nhất trên tất cả các phương tiện thông tin đại chúng trên thế giới và đặc biệt là ở nước Mỹ với những lời bình luận gay gắt.

Điều đáng lưu tâm là cuộc tiến công này chứng tỏ dân chúng ở miền Nam Việt Nam không ủng hộ Mỹ và chính quyền Sài Gòn như họ vẫn tuyên truyền. Bộ Tổng tham mưu quân lực Việt Nam cộng hòa thừa nhận “Các khu phố dân sự lại bỏ ngõ cho địch thao túng, để cho chúng đẩy động lên những hoạt động chính trị trong suốt thời gian chiếm đóng”⁷. “Hãng AP ngày 6-2-1968 đưa tin: “Hai nhà ngoại giao Nhật chứng kiến cuộc tấn công của cộng sản vào Huế nói: họ có cảm tưởng là dân chúng đồng tình với Việt Cộng. Họ cho biết rằng khi Việt Cộng vào Huế thì họ được quần chúng hoan nghênh... Dân chúng không có gì tỏ ra là sợ hãi và hình như họ quá thân thuộc”. Hãng AFP ngày 7-2-1968 cho biết: tại thành phố Huế “bộ máy cổ động chính trị và hệ thống hoạt động bí mật ở nội thành của Mặt trận đã bắt tay hoạt động. Rõ ràng là Mặt trận có thể tổ chức mạnh mẽ trong thành phố này và họ có thể huy động rất nhiều người tự nguyện ra làm việc cho họ”.

Một số nước đế quốc phải dựa vào Mỹ, phải nhượng bộ Mỹ, nhưng đồng thời vẫn tìm cách thoát khỏi sự ràng buộc của Mỹ, vươn lên tự khẳng định mình và tranh giành ảnh hưởng ở những khu vực khác nhau trên thế giới. Nhật Bản và một số nước Tây Âu ngày càng lớn mạnh và dần thoát khỏi sự khống chế của Mỹ về chính trị, kinh tế và quân sự. Mỹ phải đối phó với sự kèn cựa của chính những nước đồng minh của mình.

Càng leo thang chiến tranh ở Việt Nam, Mỹ càng bị sa lầy thì càng bị cô lập. Vai trò cường quốc hàng đầu của Mỹ trên thế giới ngày càng giảm sút. Nhiều nước đồng minh phương Tây tỏ thái độ không đồng tình với chiến tranh xâm lược của Mỹ. Pháp xem việc Mỹ ném bom miền Bắc Việt Nam là một hành động xấu xa và đòi Mỹ phải chấm dứt ngay việc đó. Giới cầm quyền ở một số nước Đông Nam Á tranh thủ hoàn cảnh Mỹ sa lầy ở Việt Nam để ổn định nội bộ, phát triển kinh tế, thu lợi qua việc phục vụ chiến tranh của Mỹ. Phong trào chống chiến tranh xâm lược Việt Nam ngày càng phát triển ngay trong lòng nước Mỹ.

Tết Mậu Thân đã làm nản chí những người thuộc phái điều hòa. Cliffort (Clip-phót), một con người “cứng rắn”, kẻ “điều hòa” nhất trong những kẻ “điều hòa”, được Johnson chọn thay cho Mc Namara làm Bộ trưởng Quốc phòng (1-3-1968), lại chính là người muốn Mỹ rút ra khỏi cuộc chiến tranh một cách cương quyết nhất. Tại cuộc tham khảo ý kiến ngày 25 và 26-3-1968, “phần đông nhóm cố vấn cấp cao tán thành chấm dứt leo thang và có những biện pháp đi đến tách ra khỏi

chiến tranh, đi từ bắt ném bom Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cho đến giảm các lực lượng Mỹ và chuyển giao nhiều trách nhiệm chiến tranh hơn cho Việt Nam Cộng hòa". Tết Mậu Thân "làm cho phe chống đối mạnh lên. Mùa hè 1968, những người Mỹ nghĩ rằng gửi quân sang Việt Nam là một sai lầm đã vượt xa những người ủng hộ"⁸. Cựu Tổng thống Mỹ Eisenhower (Ai-xen-hao) nói: "Tôi chưa bao giờ gặp phải một tình thế đáng buồn như tình cảnh hiện nay của nước Mỹ bị chia rẽ sâu sắc về một cuộc chiến tranh"⁹.

Trước sức ép từ nhiều phía, Johnson quyết định không tăng thêm quân Mỹ tới Việt Nam theo yêu cầu của Westmoreland. Ngày 31-3-1968, bất chấp sự phản đối của Nguyễn Văn Thiệu, ông tuyên bố xuống thang chiến tranh và chấp nhận giải pháp thương lượng: ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam từ vĩ tuyến 20 trở ra; không tham gia tranh cử tổng thống nhiệm kỳ thứ hai; sẵn sàng đàm phán với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để đi đến kết thúc chiến tranh; mở rộng lực lượng quân sự của Việt Nam Cộng hòa để họ có thể dần dần thay thế vai trò của lực lượng quân sự Mỹ.

Tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra của Johnson chưa đáp ứng đầy đủ những yêu cầu của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (Mỹ phải chấm dứt hoàn toàn việc ném bom, bắn phá miền Bắc), nhưng nó thể hiện rõ sự thay đổi chiến lược của Mỹ: xuống thang chiến tranh. Để thúc đẩy xu thế đó và phối hợp với hoạt động quân sự trên chiến trường trong năm 1968, ngày 3-4-1968, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố "sẵn sàng cử đại diện của mình tiếp xúc với đại diện của Mỹ nhằm xác định với phía Mỹ việc Mỹ chấm dứt không điều kiện việc ném bom và hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để có thể bắt đầu cuộc nói chuyện". Phải thay đổi chiến lược - từ leo thang đến xuống thang chiến tranh, là thất bại lớn nhất của Mỹ do tác động của sự kiện Tết Mậu Thân.

Sau khoảng một tháng trao đổi ý kiến về địa điểm cuộc tiếp xúc Việt - Mỹ, ngày 13-5-1968, cuộc đàm phán chính thức tại Pari bắt đầu giữa hai đoàn đại biểu Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Hoa Kỳ. Đến tháng 11-1968, Mỹ ngừng ném bom hoàn toàn miền Bắc. Ngày 25-1-1969, Hội nghị Paris với sự tham gia của 4 bên khai mạc, gồm Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn để giải quyết vấn đề miền Nam Việt Nam.

3. Vừa đánh trên chiến trường, vừa đàm phán trên bàn hội nghị, đi tới ký kết Hiệp định Paris

Mỹ xuống thang chiến tranh, chấm dứt ném bom miền Bắc và ngồi vào bàn đàm phán tại Hội nghị Paris. Cuộc chiến tranh Việt Nam bước vào giai đoạn kết thúc nhưng lại kéo dài do nhiều nguyên nhân khác nhau:

- Mỹ thực hiện học thuyết Nixon, tiến hành chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, nhằm rút dần quân Mỹ khỏi miền Nam Việt Nam để đối phó với dư luận trong nước và quốc tế đang ngùn ngụt bốc cao, nhưng vẫn muốn duy trì được quân đội và chính quyền Sài Gòn, duy trì chính sách thực dân mới của họ ở miền Nam;

- Lực lượng vũ trang nhân dân miền Nam bị tổn thất sau nhiều đợt tấn công vào các thành phố trong năm 1968 và gặp nhiều khó khăn trong những năm 1969-1970, mất chỗ đứng chân ở nhiều vùng nông thôn ở đồng bằng;

- Quan hệ giữa Liên Xô và Trung Quốc ngày càng căng thẳng và xấu đi rõ rệt, dẫn tới cuộc chiến tranh ở biên giới giữa hai nước (1969);

- Quan hệ Mỹ - Trung, và Mỹ - Xô phát triển theo xu hướng hòa dịu. Mỹ muốn lợi dụng mâu thuẫn giữa hai nước đồng minh lớn nhất của Việt Nam, tiến hành những bước đi nhằm thỏa hiệp với Trung Quốc và hòa hoãn với Liên Xô, để lôi kéo các nước này đồng tình với Mỹ trong việc giải quyết vấn đề Việt Nam có lợi cho Mỹ;

- Mặt khác, Mỹ hy vọng chia rẽ khối đoàn kết ba nước Đông Dương, phân hóa các lực lượng trên thế giới ủng hộ Việt Nam, gây sức ép với Việt Nam và tạo cho Mỹ thế mạnh buộc đối phương chấp nhận một giải pháp kết thúc chiến tranh có lợi cho Mỹ.

Từ tháng 5-1968 đến tháng 1-1973, Việt Nam và Mỹ đều sử dụng phương thức vừa đánh vừa nói chuyện. Những diễn biến phức tạp trên chiến trường và quan hệ quốc tế được phản ánh trong cuộc đấu tranh ngoại giao dai dẳng và quyết liệt trong suốt 4 năm 9 tháng tại Paris.

Lợi dụng sở hữ của Việt Nam trong việc chậm chuyển hướng tiến công về vùng nông thôn sau Tết Mậu Thân, quân đội Mỹ và Sài Gòn tiến hành phản công trên quy mô lớn bằng việc thực hiện những kế hoạch “bình định” quyết liệt, kéo dài từ giữa năm 1968 đến đầu năm 1970, gây cho đối phương nhiều khó khăn và tổn thất. Sau cuộc đảo chính lật đổ Chính phủ Xi-hanuk, thiết lập chính quyền Lonnon (3-1970), Mỹ và quân đội Sài Gòn mở những cuộc hành quân lớn sang Campuchia, ra vùng Đường 9 - Nam Lào, tăng cường các hành động chiến tranh ở Lào, biến Đông Dương thành một chiến trường.

Tuy nhiên, với những nỗ lực mới, các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam đã làm thất bại những chương trình “bình định cấp tốc”, “bình định đặc biệt”, “bình định bổ sung” và kế hoạch “phượng hoàng” của Mỹ ở miền Nam. Các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam chuyển hướng chiến lược về nông thôn, giữ vững và mở

rộng vùng giải phóng; đồng thời phối hợp cùng các lực lượng kháng chiến Campuchia và Lào đập tan những cuộc tiến công lớn của Mỹ và quân đội Sài Gòn sang hai nước đó, rồi thừa thắng mở cuộc tiến công chiến lược xuân-hè 1972, nhằm ba hướng chủ yếu là Trị - Thiên, Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ, đánh mạnh vào các căn cứ quân sự của đối phương ở các thị xã Quảng Trị, Kontum và Bình Long. Cuộc tập kích chiến lược xuân-hè 1972 đã đẩy quân đội Sài Gòn đứng trước nguy cơ tan rã. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ đứng bên bờ vực thẳm. Nước Mỹ càng thêm rối loạn. Dư luận thế giới đòi Mỹ phải rút quân, ngừng ném bom miền Bắc để kết thúc chiến tranh, nhanh chóng có thỏa thuận tại Hội nghị Paris để lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Trong tình thế lúng túng cả về quân sự và ngoại giao, Mỹ quyết định “Mỹ hóa” trở lại cuộc chiến tranh, tăng cường dùng không quân, kể cả máy bay B52, đánh phá mang tính hủy diệt ở miền Nam, tiến hành trở lại cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc với qui mô và cường độ đánh phá ác liệt chưa từng thấy, phong tỏa đường biển ra vào miền Bắc và đe dọa mở rộng chiến tranh Đông Dương. Mỹ muốn gắng sức tạo thế mạnh trên bàn đàm phán, nhưng vẫn không thể đảo ngược được tình hình. Vấn đề chiến tranh Việt Nam trở thành sức ép lớn đối với chính quyền Nixon (Níc-xơn) khi cuộc bầu cử tổng thống Mỹ đang đến gần.

Tháng 8-1972, do muốn kéo dài đàm phán, Mỹ cùng với chính quyền Sài Gòn hoãn không thời hạn các phiên họp tại Hội nghị Paris. Mặc dù vậy, Mỹ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vẫn duy trì các cuộc tiếp xúc bí mật. Đến tháng 10-1972, hai bên đã tháo gỡ được những vấn đề khúc mắc và hoàn thành “Dự thảo Hiệp định về chấm dứt chiến tranh” và “Dự thảo về thỏa thuận quyền tự quyết của nhân dân miền Nam”. Tổng thống Nixon và Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã trao đổi công hàm nhất trí với nội dung văn bản Hiệp định; đồng thời thỏa thuận việc Kissinger sẽ đi Hà Nội và ký tắt Hiệp định trong thời gian từ ngày 24 đến ngày 31-10-1972. Dường như Mỹ đã quyết định “đi một mình” và bỏ rơi chính quyền Sài Gòn.

Tuy nhiên, ngày 25-10-1972, Mỹ lật lọng, không ký tắt văn bản hiệp định theo dự kiến. Nixon gửi công hàm đề nghị hai bên có cuộc họp riêng để bàn thêm một số vấn đề và báo hoãn chuyến đi của Kissinger đến Hà Nội. Ngày 26-10-1972, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cho công bố các văn kiện và đòi Mỹ phải ký hiệp định theo thời gian đã thỏa thuận. Dư luận nước Mỹ và quốc tế lại tăng cường gây sức ép với chính quyền Nixon.

Trong khi kiên quyết chiến đấu, làm thất bại những cố gắng quân sự của Mỹ, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vẫn nỗ lực không để đàm phán bế tắc. Mỹ cũng đề nghị duy trì kênh tiếp xúc bí mật để khỏi bị mang tiếng là phá hoại đàm phán hòa bình. Từ ngày 20-11-1972 đến ngày 13-12-1972, cuộc họp hai bên Việt Nam Dân

chủ Cộng hòa và Mỹ lại tiếp tục, hoàn chỉnh văn bản, trừ vấn đề qua lại khu phi quân sự phải tạm gác để xin ký kiến của lãnh đạo hai phía.

Với những toan tính và sự chuẩn bị từ trước, Mỹ quyết định đánh con bài cuối cùng: mở cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 vào thủ đô Hà Nội và thành phố cảng Hải Phòng (từ ngày 18 đến ngày 30-12-1972). Song, một lần nữa, chính quyền Nixon lại nếm mùi thất bại. Thế yếu của Mỹ càng phơi bày rõ rệt. Chính quyền Nixon chẳng thể làm được gì hơn, lại bị cả thế giới lên án mạnh mẽ, phải đề nghị Việt Nam đến Paris để hoàn thành văn bản cuối cùng và ký kết Hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam (27-1-1973), thừa nhận các quyền dân tộc cơ bản của nước Việt Nam, đơn phương rút quân viễn chinh khỏi miền Nam.

Việc triệu tập Hội nghị và ký kết Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam là kết quả của cuộc đấu trí, đấu lực trên chiến trường và trên bàn đàm phán, thể hiện phương thức giải quyết chiến tranh của cả Việt Nam và Mỹ trong bối cảnh cụ thể của mỗi nước và tình hình quốc tế lúc bấy giờ. Nó giúp cho Mỹ rút ra khỏi một cuộc chiến tranh khốc liệt và kéo dài nhất trong lịch sử nước Mỹ, một cuộc chiến tranh không đáng có, giúp cho Việt Nam có được thắng lợi quyết định: buộc Mỹ phải rút quân và tạo điều kiện tiếp tục tiến lên xóa bỏ cơ đồ thực dân mới của Mỹ, hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Chú thích:

¹ *Nhân dân* (báo), ngày 5-4-1965.

² Bộ Ngoại giao: *Ngoại giao Việt Nam 1945 - 2000*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 68.

³ Mác Na-ma-ra: *Nhìn lại quá khứ - Tấn thâm kịch và những bài học về Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, HN, tr. 287.

⁴ Don Oberdorfer: *Tết*, Nxb Tổng hợp An Giang, 1998, tr. 58-61.

⁵ Giôn-xơn cho Bộ trưởng Quốc phòng Mác Na-ma-ra, Bộ trưởng Ngoại giao Đin Rat-xơ dùng Kit-sing-gơ thông qua Mac-cô-vích và Ô-brắc (là hai người Pháp) tiếp xúc với Hà Nội trình bày quan điểm của Mỹ về chấm dứt ném bom để đàm phán (kế hoạch Pensylvannia). Kế hoạch này kéo dài 2 tháng, nhưng không thành. Tuy nhiên, nhóm chủ hòa đề nghị duy trì kênh tiếp xúc đó và đưa thành đề nghị công khai với “công thức San Antonio” - thể hiện qua tuyên bố của Giôn-xơn ngày 29-9-1967 tại Hội nghị lập hiến toàn quốc tại Xan Antônô: “Mỹ sẵn sàng ngừng mọi hành động bắn phá bằng không quân và hải quân trên miền Bắc Việt Nam khi nào sáng kiến này nhanh chóng dẫn tới cuộc thảo luận có hiệu quả”.

⁶ Bộ Ngoại giao: *Ngoại giao Việt Nam 1945-2000*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 221.

⁷ Bộ Tổng tham mưu quân lực Việt Nam Cộng Hòa: *Cuộc tấn công của Việt Cộng Tết Mậu Thân 1968*, 1969, tr. 336.

⁸ Gabriel Kolko: *Giải phẫu một cuộc chiến tranh*, Nxb QĐND, HN, 2003, tr. 358.

⁹ Theo UPI ngày 27-3-1968.